

Bản án số: 118/2024/DS-ST

Ngày: 21/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mỹ Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Như Sương

2. Bà Quách Thị Bích Ngà

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Quốc Thiên H – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 6/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 26/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1968; địa chỉ: 194/4 đường LH, Phường MH, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Đồng Hoàng L1, sinh năm 1989; địa chỉ: 871A đường, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 018140, quyền số 12/2020/HĐGD-CCBN ngày 15/12/2020); (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1979; địa chỉ: 323D đường MP, Phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện được nộp vào ngày 15/12/2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đồng Hoàng L1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết, bà Huỳnh Thị Kim L có cho bà Nguyễn Thị Lan H vay tiền nhiều lần như sau:

- Ngày 28/9/2017 bà H vay 100.000.000 đồng

- Ngày 04/10/2017 bà H vay 60.000.000 đồng
- Ngày 07/10/2017 bà H vay 1.800 USD
- Ngày 12/10/2017 bà H vay 40.000.000 đồng
- Ngày 30/10/2017 bà H vay 11.000 USD

Như vậy, số tiền bà Nguyễn Thị Lan H đã vay của bà L là 200.000.000 đồng và 12.800 USD. Việc vay mượn tiền hai bên có ký nhận Giấy vay tiền đầy đủ, có thời hạn trả nhưng không quy định tiền lãi.

Năm 2019 và 2020 bà H đã trả cho bà L tổng số tiền là 95.000.000 đồng. Từ đó đến nay, bà H không trả thêm cho bà L bất kỳ khoản tiền nào nữa. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn nợ như sau: Yêu cầu trả 12.800 USD tương đương 310.361.600 đồng, (theo tỷ giá công bố của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử ngày 21/5/2024), bà không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này. Riêng đối với số tiền 105.000.000 đồng tiền nợ gốc còn lại, yêu cầu bà H trả ngay số tiền trên và tiền lãi tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 41.041.096 đồng.

Ngày 16/5/2024, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đồng Hoàng L1 nộp Đơn xin rút yêu cầu tính lãi đối với các khoản nợ vay. Chỉ yêu cầu bị đơn trả 105.000.000 đồng tiền nợ gốc và 12.800 USD tương đương 310.361.600 đồng, (theo tỷ giá công bố của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử ngày 21/5/2024). Tổng cộng yêu cầu bị đơn trả số tiền là 415.361.600 (Bốn trăm mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm) đồng.

Nguyên đơn xác định việc vay mượn số tiền trên là nợ riêng của bà Nguyễn Thị Lan H, không liên quan đến chồng bà H, đề nghị Toà án không đưa chồng bà H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

\* Đối với Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan H : Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho Bị đơn và nhiều lần triệu tập các bên lên hoà giải tại toà nhưng Bị đơn đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi Thông báo thụ lý của Toà án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn và thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 3, 4 của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26-12-2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Khoản 23 Điều 1 của Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH ngày 18-3-2013 quy định về giao dịch ngoại hối. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn: buộc bà Nguyễn Thị Lan H trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền: 105.000.000 đồng. Tuyên giao dịch vay tài sản ngày 07/10/2017 và ngày 30/10/2017 về việc vay 12.800 USD bị vô hiệu. Hậu quả của hợp đồng vô hiệu: buộc bà Nguyễn Thị Lan H trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim L 12.800 USD được quy

đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan H trả tiền vay, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Theo Kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: “*Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại số 323D đường Minh Phụng, Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng từ năm 2009 bà H vắng mặt tại địa pH, không rõ nơi cư trú hiện nay của bà*”. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: Bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ ghi trong Hợp đồng nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho người khởi kiện xem như bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ những quy định trên, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ tại Quận 11 là địa chỉ của bị đơn. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan H vắng mặt lần 02 tại phiên tòa dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc tiền là 105.000.000đồng

Xét các Giấy nhận tiền ký kết giữa bà Huỳnh Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Lan H như sau: Giấy nhận tiền ngày 28/9/2017 có nội dung: “*Tôi H có nhận 100.000.000 đồng của chị Huỳnh Thị Kim L, hện 1 tháng (30 ngày)*”; Giấy nhận tiền ngày 04/10/2017 có nội dung: “*Tôi đã nhận số tiền là 60.000.000 đồng của chị Huỳnh Thị Kim L và hện trong vòng thời hạn 30 ngày*”; Giấy nhận tiền ngày 12/10/2017 có nội dung: “*Tôi đã nhận số tiền 40.000.000 đồng của chị Huỳnh Thị Kim L và hện trong thời hạn 30 ngày*”. Các giấy nhận tiền trên đều có nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị Lan H đã nhận tổng số tiền 200.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị Kim L.

Sau đó bà H có chuyển khoản trả cho bà L tổng số tiền 95.000.000 đồng căn trừ vào khoản nợ gốc nêu trên (chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH Tín –Chi nhánh Quận 4 có nội dung Nguyễn Thị Lan H chuyển trả tiền vay vào Tài khoản của bà Huỳnh Thị Kim L).

Theo Kết luận giám định số 585/KL-KTHS ngày 11/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Lan H trên 04 (bốn) Giấy nhận tiền 28/9/2017, 04/10/2017, 07/10/2017 và 12/10/2017, 30/10/2017 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Lan H trên 06 (sáu) tài liệu mẫu (là các Biên bản hoà giải và Biên bản thuận tình ly hôn giữa bà H và chồng tại Toà án Quận 11 vào năm 2020) thì chữ ký, chữ viết đều do cùng một người là Nguyễn Thị Lan H viết và ký nhận. Căn cứ vào kết quả giám định nêu trên và căn cứ vào các Biên lai chuyển khoản từ bà H nội dung chuyển trả tiền vay vào tài khoản bà L. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Lan H có vay số tiền 200.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị Kim L.

Xét thấy, năm 2020 bà H đã chuyển khoản trả bớt cho bà L tổng số tiền là 95.000.000 đồng. Như vậy, bà H còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim L buộc bà Nguyễn Thị Lan H phải trả số nợ gốc 105.000.000 đồng đã vay là có cơ sở cần chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả nợ gốc là 12.800 USD:

Xét bản chính Giấy nhận tiền ngày 07/10/2017 do bà H ký nhận có nội dung: *“Tôi đã nhận số tiền là 1800 USD của chị Huỳnh Thị Kim L và hẹn trong vòng thời hạn 30 ngày”*; Giấy nhận tiền ngày 30/10/2017 có nội dung: *“Tôi đã nhận số tiền là 11.000 USD của chị Huỳnh Thị Kim L và hẹn trong vòng thời hạn 30 ngày”*. Căn cứ vào kết quả giám định chữ ký của bà H trên các Giấy nhận tiền đã có cơ sở xác định bà H đã nhận số tiền 12.800 USD nêu trên.

Căn cứ vào Điều 3, 4 của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, căn cứ vào Khoản 23 Điều 1 của Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH ngày 18/3/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 22 của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13/12/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*. Căn cứ vào Điều 123 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“...Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu”*. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Huỳnh Thị Kim L cho bà Nguyễn Thị Lan H vay số tiền 12.800 USD là vi phạm điều cấm của pháp luật nên giao dịch vay tiền ngoại tệ này của hai bên là vô hiệu.

[3.3] Giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu:

Căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận”*. Do giao dịch bằng ngoại hối của các bên là vô hiệu, vì vậy các bên cần hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim L, buộc bà Nguyễn Thị Lan H có nghĩa vụ trả lại số tiền 12.800

USD quy đổi sang tiền Việt nam là 310.361.600 đồng, (theo tỷ giá công bố của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử ngày 21/5/2024).

[3.4] Xét lỗi làm cho giao dịch dân sự vô hiệu: Việc vay mượn ngoại tệ giữa nguyên đơn và bị đơn là trái pháp luật. Các bên đều biết việc vay bằng ngoại tệ không được pháp luật thừa nhận nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, xét lỗi của nguyên đơn và bị đơn đều có lỗi trong việc vay tài sản như trên. Tuy nhiên, hai bên không yêu cầu bồi thường thiệt hại do lỗi nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay tiền ngày 07/10/2017 và ngày 30/10/2017 là vô hiệu, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 12.800 USD tương đương 310.361.600 đồng, (theo tỷ giá công bố của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử ngày 21/5/2024) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.5] Xét yêu cầu về Lãi suất:

Ngày 16/5/2024 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đồng Hoàng L1 nộp Đơn xin rút yêu cầu tính lãi đối với các khoản nợ vay. Xét thấy, yêu cầu rút khoản tiền lãi suất nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn đình chỉ đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn.

[3.6] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến như sau:

Căn cứ bản chính các Giấy nhận tiền có ký nhận giữa bà Nguyễn Thị Lan H và bà Huỳnh Thị Kim L, căn cứ vào Kết luận giám định chữ ký của bà Nguyễn Thị Lan H có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Lan H đã có vay tiền của nguyên đơn theo các Giấy vay tiền đã ký. Riêng đối với các giao dịch vay ngoại tệ giữa hai bên là giao dịch trái pháp luật. Nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự và căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005 PL-UBTVQH ngày 13/12/2005 về vay ngoại tệ, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn: buộc bà Nguyễn Thị Lan H trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền: 105.000.000 đồng. Tuyên giao dịch vay tài sản ngày 07/10/2017 và ngày 30/10/2017 về việc vay 12.800 USD bị vô hiệu. Hậu quả của hợp đồng vô hiệu: buộc bà Nguyễn Thị Lan H trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim L 12.800 USD được quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả.

Hội đồng xét xử căn cứ vào những nhận định nêu trên phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc bà Nguyễn Thị Lan H phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Kim L tổng số tiền còn nợ là 415.361.600 (Bốn trăm mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm) đồng. Trong đó, số tiền Việt Nam nợ gốc là 105.000.000 đồng và 12.800 USD tương đương 310.361.600 đồng, (theo tỷ giá công bố của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử ngày 21/5/2024, giá USD là 24.247 đồng/1 USD).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim L không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bà Nguyễn Thị Lan H chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 40, Điều 122, 123, Điều 131, Điều 357, Điều 463, Điều 466, và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 23 Điều 1 của Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH ngày 18/3/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 22 của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13/12/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 3, 4 của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan H trả tiền lãi suất chậm trả tính đến ngày 29/3/2024 số tiền là 41.041.096 đồng.

2. Giao dịch vay tài sản theo Giấy nhận tiền ngày 07/10/2017 và ngày 30/10/2017 do bà Huỳnh Thị Kim L ký với bà Nguyễn Thị Lan H về việc cho vay số tiền ngoại tệ 12.800 USD bị vô hiệu.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thị Lan H trả số tiền còn nợ.

Buộc Bà Nguyễn Thị Lan H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền là 415.361.600 (Bốn trăm mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm) đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng và 12.800 USD tương đương 310.361.600 đồng (theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm xét xử ngày 21/5/2024). Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Lan H chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì bà H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bà Huỳnh Thị Kim L theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu án phí là 20.614.464 (Hai mươi triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.443.854 (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052663 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**6. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Mỹ Duyên**